TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST Ngày 01-8-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Lê Hồng Điệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Hồng Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 01-8-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 11-5-2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-6-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 2001; Địa chỉ: ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Lê Minh S, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2022, bà L và ông S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu hôn nhân thì ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau khoảng từ tháng 12-2022 thì bắt đầu phát sinh nhiều mẫu

thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà L và ông S đã ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà L với ông S có 01 người con chung là Lê Huỳnh Trúc M (nữ, sinh ngày 25-10-2022). Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến tuổi thành niên và do bà L có thu nhập ổn định nên tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Lê Minh S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Minh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, ông S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và nuôi con với ông Lê Minh S có nơi cư trú tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Đối với bị đơn là ông Lê Minh S sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông S nhưng ông không có kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông S kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 18-01-2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, tại thời điểm kết hôn thì bà L với ông S đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà L và ông S là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà L và ông S sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm vợ chồng, ông bà đã ly thân khoảng từ tháng 12-2022 cho đến nay. Do đó, bà L và ông S đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không sống chung với nhau như vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc hàng ngày trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông S đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[5]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà L với ông S có 01 người con chung là Lê Huỳnh Trúc M (nữ, sinh ngày 25-10-2022). Sau khi ly hôn, thì bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mây và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu M do bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, cháu M đang sống ổn định, được đảm bảo phát triển về mọi mặt, hơn nữa cháu M dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tiếp tục giao cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Ngoài ra, do bà L trình bày hiện nay có công việc thu nhập ổn định có thể tự nuôi dưỡng cháu M và tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Lê Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày là không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L được ly hôn với ông Lê Minh S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Huỳnh Trúc M (nữ, sinh ngày 25-10-2022) cho bà Huỳnh Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Mây đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình. Ông Lê Minh S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị L tự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006911 ngày 10-5-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà Huỳnh Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp,

tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc